

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Nhân.

2. Ông Tô Tấn Linh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Lê Thị H có đơn xét xử vắng mặt, anh Trần Thanh P có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/3/2022; đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/5/2022; bản tự khai ngày 06/6/2022, tại phiên hòa giải ngày 13/8/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Chị và anh Trần Thanh P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2004.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, về nhà còn gây gổ đánh đập vợ con. Anh P sông không có trách nhiệm với con cái, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với chị trong công việc gia đình. Vì các con chị đã nhiều lần khuyên giải để anh P thay đổi nhưng anh P vẫn chứng nào tật nấy. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Thanh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Trần Thanh Ph, sinh ngày 17/11/2005 và Trần Thanh L, sinh ngày 08/7/2010. Khi ly hôn, chị H yêu cầu Tòa án giao các cháu Ph và L cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H trình bày không có.

Ngoài ra, chị H không có yêu cầu khác.

** Tại bản trình bày ngày 26/5/2022, bị đơn anh Trần Thanh P trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2004. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn và dẫn đến việc bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có 02 con chung Trần Thanh Ph, sinh ngày 17/11/2005 và Trần Thanh L, sinh ngày 08/7/2010.

- Về tài sản chung: Anh P trình bày vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh P trình bày vợ chồng anh không có nợ chung.

Ngoài ra anh P không có yêu cầu khác.

** Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thể hiện:* Chị Lê Thị H và anh Trần Thanh P có đăng ký kết hôn số 45, quyển số 01 năm 2004 do Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận ngày 13/01/2004. Quá trình chung sống chị H và anh P có 02 con chung là cháu Trần Thanh Ph, sinh ngày 17/11/2005 và cháu Trần Thanh L, sinh ngày 08/7/2010. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn đại diện Hội Liên Hiệp phụ nữ xã N, huyện Tư Nghĩa cho biết Hội phụ nữ xã không biết được nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn giữa chị H và anh P vì không nghe chị H hay anh P báo về mâu thuẫn, hay có đơn thư nhờ Hội can thiệp giải quyết mâu thuẫn.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị H ly hôn với anh Trần Thanh P. Về con chung giao cháu Trần Thanh Ph và cháu Trần Thanh Lc cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung chị H và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Chị Lê Thị H và anh Trần Thanh P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn không còn tình cảm, không cùng nhau thực hiện việc xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng không tiến hành hoà giải được vì anh P vắng mặt. Những tình tiết nêu trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, chị H được ly hôn với anh P.

[3.3] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh P có 02 con chung là cháu Trần Thanh Ph, sinh ngày 17/11/2005 và cháu Trần Thanh L, sinh ngày 08/7/2010, hiện

do chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận định: Cháu Ph sinh năm 2005 và cháu L sinh năm 2010, tại thời điểm xét xử cháu Ph và cháu L đã trên 7 tuổi, hiện các cháu đang sống với chị H và có nguyện vọng khi ba mẹ ly hôn các cháu muốn được sống cùng mẹ. Tại đơn xin xác nhận ngày 13/8/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N thể hiện: Chị Lê Thị H hiện đang làm công nhân có thu nhập mỗi tháng 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng). Căn cứ vào điều kiện thực tế, vào nguyện vọng của cháu Ph và cháu L, Hội đồng xét xử giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Trần Thanh Ph và Trần Thanh L cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không nhận định.

[3.5] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có, Hội đồng xét xử không nhận định.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng hành dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H, chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Thanh P.

2. Giao cháu Trần Thanh Ph, sinh ngày 17/11/2005 và cháu Trần Thanh L, sinh ngày 08/7/2010 cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh P không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khi có lý do chính đáng, chị H và anh P có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002079 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H và anh Trần Thanh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã N, huyện Tư Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

